



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CII
CII BRIDGES AND ROADS INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

oOo

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý 4 Năm 2018



Ngày 31 tháng 12 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**Quý 4 năm 2018***(Áp dụng cho doanh nghiệp đáp ứng giá định hoạt động liên tục)***Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018**

Đơn vị tính : VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1,759,516,451,814	1,389,450,919,118
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	1	83,089,108,096	30,223,894,915
1. Tiền	111		2,889,108,096	423,894,915
2. Các khoản tương đương tiền	112		80,200,000,000	29,800,000,000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		21,101,555,302	16,705,346,085
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	2b.1	21,101,555,302	16,705,346,085
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1,618,592,554,692	1,274,365,020,433
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	3	23,553,018,050	30,624,107,107
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4b	97,153,646,000	5,631,024,450
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng XD	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	4c	279,318,920,425	181,108,101,513
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	4a	1,220,779,540,206	1,062,079,704,136
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	6	(2,212,569,989)	(5,077,916,773)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	7	34,522,394,607	64,408,592,086
1. Hàng tồn kho	141		34,522,394,607	65,036,199,658
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	(627,607,572)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2,210,839,117	3,748,065,599
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13a1	57,463,134	86,204,191
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	13a2	-	2,046,600,934
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17b	2,153,375,983	1,615,260,474
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2,192,078,270,874	2,442,374,633,510
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		55,820,497,512	330,306,742,988
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	4d	50,000,000,000	269,425,250,000
6. Phải thu dài hạn khác	216		5,820,497,512	60,881,492,988
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		1,795,190,570	2,178,304,466
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	1,790,198,597	2,168,312,489

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Nguyên giá	222		3,112,044,571	3,112,044,571
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(1,321,845,974)	(943,732,082)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	10	4,991,973	9,991,977
- Nguyên giá	228		50,000,000	50,000,000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(45,008,027)	(40,008,023)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		1,391,222,931	1,391,222,931
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	8b	1,391,222,931	1,391,222,931
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		2,133,071,359,861	2,108,498,363,125
1. Đầu tư vào công ty con	251	2c.1	1,978,587,879,861	1,954,014,883,125
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	2c.2	154,483,480,000	154,483,480,000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	2a.1	-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254	2a.1a	-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	2b.2	-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		-	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13b1	-	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
			-	-
			-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		3,951,594,722,688	3,831,825,552,628

1	2	3	4	5
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1,508,292,731,708	1,610,859,940,880
I. Nợ ngắn hạn	310		1,170,221,162,783	1,240,826,151,455
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	8,573,081,648	19,897,607,506
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	19c	3,636,872,645	8,802,866,142
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17a	189,707,730	109,331,311
4. Phải trả người lao động	314		-	227,400,000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18a	5,031,626,039	5,946,666,183
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng XD	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	20a	246,197,914	246,199,004
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	19a	274,590,238,071	48,929,975,863
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	15a	876,625,130,000	1,155,173,730,000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	25e.2	1,328,308,736	1,492,375,446
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		338,071,568,925	370,033,789,425

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	19b	-	252,220,500
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	15b	338,071,568,925	369,781,568,925
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2,443,301,990,980	2,220,965,611,748
I. Vốn chủ sở hữu	410		2,443,301,990,980	2,220,965,611,748
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	25a1	1,928,547,650,000	1,928,547,650,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1,928,547,650,000	1,928,547,650,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	25a2	3,657,748,096	3,657,748,096
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415	2a.2	-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	25e.1	56,088,025,378	44,860,510,378
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	25a	455,008,567,506	243,899,703,274
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		242,876,703,274	50,067,479,989
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		212,131,864,232	193,832,223,285
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
2. Nguồn kinh phí	431		-	-
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		3,951,594,722,688	3,831,825,552,628

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập ngày 15 tháng 1 năm 2019

Tổng Giám đốc





Phạm Thế Chính

Dương Thị Nhung

Nguyễn Văn Chính

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Quý 4 năm 2018

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 4		Luỹ kế từ đầu năm	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		3,234,967,281	15,776,218,271	35,140,284,121	50,931,324,411
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		12,531,724	-	432,311,571	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		3,222,435,557	15,776,218,271	34,707,972,550	50,931,324,411
4. Giá vốn hàng bán	11		2,022,141,964	12,989,496,220	30,611,710,331	45,608,816,226
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		1,200,293,593	2,786,722,051	4,096,262,219	5,322,508,185
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		175,190,939,194	225,043,587,311	391,260,143,890	385,500,003,428
7. Chi phí tài chính	22		31,194,140,031	91,256,475,975	163,061,076,130	178,889,619,384
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		31,125,979,694	44,761,397,082	132,067,832,529	116,931,958,658
8. Chi phí bán hàng	25		-	(2,630,738)	65,700,000	180,603,762
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		1,951,691,314	1,999,647,415	8,666,708,224	7,155,679,839
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20+(21-22) - (25+26)]	30		143,245,401,442	134,576,816,710	223,562,921,755	204,596,608,628
11. Thu nhập khác	31		392,727,273	120,000,000	1,314,885,735	409,188,667
12. Chi phí khác	32		102,799,549	96,955,677	395,677,258	325,519,010
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		289,927,724	23,044,323	919,208,477	83,669,657
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		143,535,329,166	134,599,861,033	224,482,130,232	204,680,278,285
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		143,535,329,166	134,599,861,033	224,482,130,232	204,680,278,285
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		738	692	1,152	1,053
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71					

Người lập biểu



Dương Thị Nhung

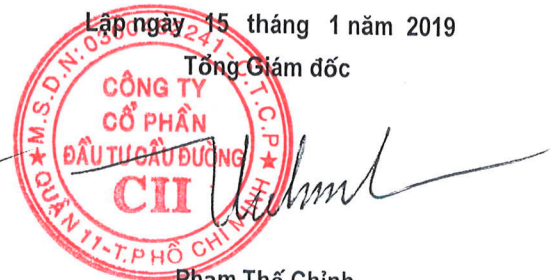
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Chính

Lập ngày 15 tháng 1 năm 2019

Tổng Giám đốc



Phạm Thế Chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý 4 năm 2018

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm	
			Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		224,482,130,232	204,680,278,285
2. Điều chỉnh cho các khoản			-	-
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		383,113,896	361,420,518
- Các khoản dự phòng	03		(3,492,954,356)	2,765,422
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(70,909)	49,365
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(360,266,829,380)	(323,542,392,067)
- Chi phí lãi vay	06		132,067,832,529	116,931,958,658
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(6,826,777,988)	(1,565,919,819)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		1,887,521,505	(70,699,257,809)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		15,176,938,174	(15,115,322,161)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(140,673,876,466)	19,255,274,174
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		28,741,057	(56,551,058)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(55,765,799,409)	(5,646,398,660)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(1,560,060,920)	(1,132,490,375)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(187,733,314,047)	(74,960,665,708)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	(1,559,019,840)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(28,409,209,217)	(763,732,380,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		142,623,790,822	260,332,569,783
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(259,000,000,000)

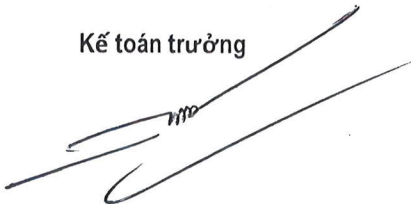
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		138,101,310,000	226,225,920,000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		248,064,164,714	213,346,477,634
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		500,380,056,319	(324,386,432,423)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			-	-
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	808,577,380,000
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(259,781,600,000)	(196,270,400,000)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(185,140,574,400)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(259,781,600,000)	427,166,405,600
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		52,865,142,272	27,819,307,469
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		30,223,894,915	2,404,636,811
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		70,909	(49,365)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		83,089,108,096	30,223,894,915

Người lập biểu



Dương Thị Nhung

Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Chính

Lập ngày 15 tháng 1 năm 2019

Tổng Giám đốc




Phạm Thế Chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(Dạng tóm lược)

Quý 4 năm 2018

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

ĐVT: đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1,759,516,451,814	1,389,450,919,118
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		83,089,108,096	30,223,894,915
2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		21,101,555,302	16,705,346,085
3. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1,618,592,554,692	1,274,365,020,433
4. Hàng tồn kho	140		34,522,394,607	64,408,592,086
5. Tài sản ngắn hạn khác	150		2,210,839,117	3,748,065,599
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2,192,078,270,874	2,442,374,633,510
1. Các khoản phải thu dài hạn	210		55,820,497,512	330,306,742,988
2. Tài sản cố định	220		1,795,190,570	2,178,304,466
3. Bất động sản đầu tư	240		1,391,222,931	1,391,222,931
4. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		2,133,071,359,861	2,108,498,363,125
5. Tài sản dài hạn khác	260		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		3,951,594,722,688	3,831,825,552,628


NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		1,508,292,731,708	1,610,859,940,880
1. Nợ ngắn hạn	310		1,170,221,162,783	1,240,826,151,455
2. Nợ dài hạn	330		338,071,568,925	370,033,789,425
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2,443,301,990,980	2,220,965,611,748
1. Vốn chủ sở hữu	410		2,443,301,990,980	2,220,965,611,748
2. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		3,951,594,722,688	3,831,825,552,628

Lập ngày 15 tháng 1 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Dương Thị Nhung

Nguyễn Văn Chính

Phạm Thế Chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

(Dạng tóm lược)

Quý 4 năm 2018

ĐVT: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý này		Lũy kế từ đầu năm	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		3,234,967,281	15,776,218,271	35,140,284,121	50,931,324,411
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		12,531,724	-	432,311,571	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		3,222,435,557	15,776,218,271	34,707,972,550	50,931,324,411
4. Giá vốn hàng bán	11		2,022,141,964	12,989,496,220	30,611,710,331	45,608,816,226
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		1,200,293,593	2,786,722,051	4,096,262,219	5,322,508,185
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		175,190,939,194	225,043,587,311	391,260,143,890	385,500,003,428
7. Chi phí tài chính	22		31,194,140,031	91,256,475,975	163,061,076,130	178,889,619,384
8. Chi phí bán hàng	25		-	(2,630,738)	65,700,000	180,603,762
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		1,951,691,314	1,999,647,415	8,666,708,224	7,155,679,839
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		143,245,401,442	134,576,816,710	223,562,921,755	204,596,608,628
11. Thu nhập khác	31		392,727,273	120,000,000	1,314,885,735	409,188,667
12. Chi phí khác	32		102,799,549	96,955,677	395,677,258	325,519,010
13. Lợi nhuận khác	40		289,927,724	23,044,323	919,208,477	83,669,657
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		143,535,329,166	134,599,861,033	224,482,130,232	204,680,278,285
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		143,535,329,166	134,599,861,033	224,482,130,232	204,680,278,285
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		738	692	1,152	1,053

Người lập biểu



Dương Thị Nhung

Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Chính

Lập ngày 15 tháng 1 năm 2019



Phạm Thế Chính




BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2018

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1- Công ty Cổ phần Đầu tư cầu đường CII (trước đây là Công ty Cổ phần Cơ khí Điện Lữ Gia), (gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được chuyển đổi từ Công ty Cơ khí Lữ Gia, một doanh nghiệp nhà nước được thành lập năm 1978 theo Quyết định số 8032/QĐ-UB-KT ngày 28 tháng 12 năm 1999 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu vào ngày 8 tháng 3 năm 2000 và các lần thay đổi.

Ngày 06/04/2018 Công ty thay đổi người đại diện pháp luật là Ông Phạm Thế Chính. Các thông tin khác không đổi.

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Thế Chính - Quốc tịch Việt Nam, Chức vụ: Tổng Giám đốc

1. Hình thức sở hữu vốn: Công ty cổ phần

2. Lĩnh vực kinh doanh: Đầu tư -TM -DV -XD

3. Ngành nghề kinh doanh.

- Lắp đặt hệ thống điện; sản xuất thiết bị điện khác;

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;

- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; bán buôn chuyên doanh khác; bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;

- Sản xuất các cấu kiện kim loại; sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại;

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác;

- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh; giáo dục nghề nghiệp;

- Xây dựng công trình công ích; xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; XD công trình kỹ thuật dân dụng; chuẩn bị mặt bằng;

- Khai thác xử lý và cung cấp nước; lắp đặt hệ thống cấp thoát nước...

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;

- Sửa chữa thiết bị điện; lắp đặt hệ thống xây dựng khác;

- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương; vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; các dịch vụ tăng cường sức khỏe...

Hoạt động chính của Công ty trong năm là đầu tư và quản lý các công ty con hoạt động trong lĩnh vực đầu tư cầu đường; thi công xây lắp hệ thống thiết bị chiếu sáng công cộng, duy tu bảo dưỡng công trình công cộng.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của công ty là 12 tháng

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính.

6. Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty đang thực hiện đầu tư vào (08) tám công ty con và 02 công ty liên doanh, liên kết bao gồm các công ty đầu tư trực tiếp và đầu tư gián tiếp thông qua các công ty con khác.

- Danh sách các công ty con đầu tư trực tiếp:

Đơn vị tính: VND

Tên đơn vị	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Giá trị đầu tư	Ghi chú
1/ Công ty CP Xây dựng Cầu Sài Gòn	89.98%	89.98%	28,448,338,135	
2/ Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	51.00%	51.00%	540,600,000,000	
3/ Công ty CP Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	99.99%	99.99%	300,659,554,167	
4/ Công ty TNHH MTV BOT ĐT Và XD Ninh Thuận	100.00%	100.00%	430,425,833,333	
5/ Công ty CP Cầu đường Hiền An Bình	99.99%	99.99%	335,996,028,454	
6/ Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	51.34%	51.34%	246,458,125,772	
7/ Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Cầu đường CII	99.99%	99.99%	96,000,000,000	
Cộng	xxx	xxx	1,978,587,879,861	

- Công ty con đầu tư gián tiếp thông qua Công ty Cổ phần cầu đường Hiền An Bình:

Tên đơn vị	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Nơi thành lập và hoạt động
1/ Công ty TNHH MTV Đầu tư hạ tầng VRG	99.99%	99.99%	Tỉnh Bình Dương
Cộng	xxx	xxx	

- Danh sách các công ty liên doanh, liên kết;

Đơn vị tính: VND

Tên đơn vị	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Giá trị đầu tư	Ghi chú
1/ Công ty CP BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	10.00%	10.00%	154,483,480,000	
Cộng	xxx	xxx	154,483,480,000	

- Công ty liên kết đầu tư gián tiếp qua Công ty Cổ phần cầu đường Hiền An Bình:

Tên đơn vị	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Nơi thành lập và hoạt động
1/ Công ty TNHH Dịch vụ MCSC	45.00%	45.00%	Tỉnh Bình Dương
Cộng	xxx	xxx	

- Danh sách các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

...

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính (có so sánh được hay không, nếu không so sánh được phải nêu rõ lý do như vì chuyển đổi hình thức sở hữu, chia tách, sáp nhập, nêu độ dài về kỳ so sánh...)

...

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm : Bắt đầu từ ngày 01/01/2018 kết thúc vào ngày 31/12/2018.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán. Trường hợp có sự thay đổi đơn vị tiền tệ trong kế toán so với năm trước, giải trình rõ lý do và ảnh hưởng của sự thay đổi.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán: Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

...

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc chuyển đổi Báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam

2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán.

3. Nguyên tắc xác định lãi suất thực tế (lãi suất hiệu lực) dùng để chiết khấu dòng tiền.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền.

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

5. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

a) Chứng khoán kinh doanh;

+ Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh

+ Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

+ Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành

b) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn;

- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

c) Các khoản cho vay;

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

d) Đầu tư vào công ty con; công ty liên doanh, liên kết;

- Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

- Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích.

Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

- Đầu tư vào công ty liên kết;

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

d) Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác;

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết và các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trích lập theo quy định.

e) Các phương pháp kế toán đối với các giao dịch khác liên quan đến đầu tư tài chính.

6. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

7. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho; Giá gốc
- Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: bình quân gia quyền ;
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: kê khai thường xuyên;
- Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

8. Nguyên tắc ghi nhận và các khấu hao TSCĐ, TSCĐ thuê tài chính, bất động sản đầu tư:

- + Tài sản cố định được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.
- + Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.
- + Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.
- + Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, tỷ lệ khấu hao phù hợp với Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 do Bộ Tài chính ban hành.

9. Nguyên tắc kế toán các hợp đồng hợp tác kinh doanh.

10. Nguyên tắc kế toán thuế TNDN hoãn lại.

11. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước.

Chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn bao gồm công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ, chi phí sửa chữa tài sản cố định và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hoá dưới hình thức các khoản trả trước ngắn hạn, dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian không quá 03 năm theo các quy định kế toán hiện hành.

12. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ và các khoản phải trả khác không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch, mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ. Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn, dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày lập báo cáo tài chính.

13. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính.

14. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay.

+ Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

- + Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

15. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả.

17. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện.

18. Nguyên tắc ghi nhận trái phiếu chuyển đổi.

19. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:

- Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quyền chọn trái phiếu chuyển đổi, vốn khác của chủ sở hữu.

- + Vốn chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

+ Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát sinh và mệnh giá cổ phiếu phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu ngân quỹ.

+ Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế số cổ phiếu do Công ty phát hành sau đó mua lại được trừ vào vốn chủ sở hữu của Công ty. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành các công cụ vốn chủ sở hữu.

- Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch đánh giá lại tài sản.

- Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá.

+ Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

+ Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối.

+ Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

+ Nguyên tắc trích lập các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế căn cứ vào Điều lệ của Công ty và quyết định của Đại Hội đồng Cổ đông.

20. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu:

- Doanh thu bán hàng;

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

- Doanh thu cung cấp dịch vụ;

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

- Doanh thu hoạt động tài chính;

+ Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm đầu tư, lãi tiền gửi... nhận được.

+ Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

- Doanh thu hợp đồng xây dựng.

Doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

- Thu nhập khác

21. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

22. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán.

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ được ghi nhận theo giá trị thực tế phát sinh và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng. Các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

23. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan

Chi phí lãi vay phát sinh từ các khoản vay ngân hàng để đầu tư vào các dự án B.O.T trong giai đoạn hoạt động được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong kỳ theo tỷ trọng doanh thu.

Các khoản chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

24. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.

25. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế

26. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác.

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

Đơn vị tính: VND

1. Tiền	Cuối kỳ	Đầu năm
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2,889,108,096	423,894,915
- Tiền đang chuyển	80,200,000,000	29,800,000,000
...		
Cộng	83,089,108,096	30,223,894,915

2. Các khoản đầu tư tài chính

b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
- Ngắn hạn	21,101,555,302	21,101,555,302	16,705,346,085	16,705,346,085
+ Tiền gửi có kỳ hạn	21,101,555,302	21,101,555,302	16,705,346,085	16,705,346,085
...				
- Dài hạn	-	-	-	-
...				
Cộng	21,101,555,302	21,101,555,302	16,705,346,085	16,705,346,085

c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Tỷ lệ lợi ích	Giá trị ghi sổ	Tỷ lệ lợi ích	Giá trị ghi sổ
- Đầu tư vào công ty con		1,978,587,879,861		1,954,014,883,125
+ Cty CP XD Cầu Sài Gòn	89.98%	28,448,338,135	89.98%	285,599,341,399
+ Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	51.00%	540,600,000,000	51.00%	258,876,000,000
+ Cty CP Đầu tư & Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	99.99%	300,659,554,167	99.99%	300,659,554,167
+ Cty CP Cầu đường Hiền An Bình	99.99%	335,996,028,454	99.99%	335,996,028,454
+ Cty TNHH MTV BOT Tỉnh Ninh Thuận	100.00%	430,425,833,333	100.00%	430,425,833,333
+ Công ty TNHH Đầu Tư Phát triển Cầu đường CII	99.99%	96,000,000,000	99.99%	96,000,000,000
+ Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	51.34%	246,458,125,772	51.75%	246,458,125,772
...				
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết;		154,483,480,000		154,483,480,000
+ Cty CP BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	10.00%	154,483,480,000	10.00%	154,483,480,000
...				
Cộng		2,133,071,359,861		2,108,498,363,125

* Tóm tắt tình hình hoạt động của các công ty con, công ty liên doanh, liên kết trong kỳ;

a/ Đầu tư vào công ty con

- + Cty CP XD Cầu Sài Gòn với hoạt động chính Đầu tư xây dựng dự án B.T Cầu Sài Gòn;
- + Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội với Dự án Đầu tư xây dựng dự án B.O.T mở rộng Xa lộ Hà Nội;
- + Cty CP Đầu tư & Phát triển Ninh Thuận với dự án Đầu tư, thu giá dịch vụ sử dụng đường bộ hoàn vốn dự án B.O.T mở rộng Quốc lộ 1 đoạn qua Tp. Phan Rang - Tháp Chàm
- + Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG (Công ty con đầu tư gián tiếp thông qua Công ty CP Cầu đường Hiền An Bình)- Đầu tư, thu giá dịch vụ sử dụng đường bộ hoàn vốn Dự án đầu tư nâng cấp mở rộng đường ĐT 741
- + Công ty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận với dự án Đầu tư, thu giá dịch vụ sử dụng đường bộ hoàn vốn dự án B.O.T mở rộng Quốc lộ 1 đoạn qua tỉnh Ninh Thuận
- + Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu với hoạt động chính là Đầu tư, thu giá dịch vụ sử dụng đường bộ hoàn vốn Dự án đầu tư xây dựng cầu Rạch Miễu và mở rộng 4 đoạn tuyến Quốc lộ 60.
- + Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Cầu đường CII với hoạt động Đầu tư vào các công ty dự án cầu đường

b/ Công ty liên doanh, liên kết;

- + Công ty Cổ phần B.O.T Trung Lương - Mỹ Thuận với Dự án Đầu tư xây dựng Đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận.
- + Công ty TNHH Dịch vụ MCSC là công ty liên kết (đầu tư gián tiếp qua Công ty Cổ phần cầu đường Hiền An Bình): Cung cấp dịch vụ thu giá dịch vụ sử dụng đường bộ và các dịch vụ hạ tầng khác.

* Các giao dịch trọng yếu giữa doanh nghiệp và công ty con, liên doanh, liên kết trong kỳ.

a/ Đầu tư vào công ty con

- Ngày 06/07/2018, Công ty cầu SG đã mua lại 22.622.592 cổ phiếu để giảm vốn điều lệ với giá mua là 10.000 VND/cổ phiếu, làm giảm vốn góp còn 24.988.350.000 đồng.

- Ngày 25/6/2018 theo CV 224/2018/CV-HNHC, Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội tăng vốn điều lệ thêm 342, 4 tỷ đồng. Theo đó Công ty Cổ phần đầu tư Cầu đường CII góp 174.624.000.000 đồng.

- Ngày 09/11/2018 theo Nghị quyết số 17/NQ-ĐHĐCĐ chấp thuận tăng vốn hoạt động của Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội lên 1.180 tỷ đồng. Theo đó Công ty Cổ phần đầu tư Cầu đường CII góp lần 2 số tiền 107.100.000.000 đồng.

- Do cổ đông không kiểm soát cũng góp thêm vốn bằng với tỷ lệ sở hữu hiện tại nên việc tăng vốn điều lệ của Công ty Xa lộ Hà Nội không làm thay đổi tỷ lệ sở hữu tỷ lệ lợi ích của các cổ đông trong công ty.

b/ Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết;

....

3. Phải thu của khách hàng	Cuối kỳ	Đầu năm
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn	20,751,231,271	26,465,913,532
- Cty XD số 9 - Cty An Xuân Thịnh	3,744,703,767	3,744,703,767
- Thầu thiết kế &XD tuyến đường Tân Sơn Nhất - Bình Lợi-Vành Đai Ngoài	-	2,909,750,000
- Cty CPĐTPT Cường Thuận IDICO	2,824,178,378	2,824,178,378
- Cty CP PT Đường Cao Tốc Biên Hoà - Vũng Tàu	1,321,079,368	1,321,079,368
- Công Ty 7/5 - Quận Khu 7	1,217,062,314	1,217,062,314
- Cty CP XD CTGT Thái Sơn	1,018,100,000	1,018,100,000
- Cty CP Đầu tư Long Biên	807,913,550	807,913,550
-Cty CP ĐT và XD số 17 Thăng Long	796,272,960	796,272,960
- LD Cty Trường Sơn - Tây Bắc	669,898,000	669,898,000
- Cty CP XD số 14	620,995,000	620,995,000
- Cty CP ĐT XD Phú Mỹ - PMC	589,927,000	589,927,000
- Khu Quản Lý Giao Thông Đô Thị Số 1	2,943,324,734	-
- Khu Quản Lý Giao Thông Đô Thị Số 2	201,026,000	3,041,100,000
- Khu Quản Lý Giao Thông Đô Thị Số 4	566,792,000	566,792,000
- Cty Hoàng Mai	551,542,723	551,542,723
- Cty TNHH MTV thoát nước Đô Thị	-	546,339,201
- Công ty CP ĐTXD Lương Tài	511,025,200	511,025,200
Cty TNHH DVTM-XD Đông Mê Kông	276,118,118	276,118,118
Cty CPXD CT Giao thông 419	229,294,000	229,294,000
Cty CP XD CT Giao Thông 674	270,222,000	270,222,000
- Các khoản phải thu khách hàng khác	1,591,756,159	3,953,599,953
b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	2,801,786,779	4,158,193,575
- Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	431,312,458	431,312,458
- Công ty CP Xây dựng cầu Sài Gòn	506,390,065	506,390,065
- Công ty CP Cơ Khí điện Lữ Gia	-	1,830,943,576
- Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP.HCM (CII)	324,990,000	324,990,000
- Cty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	1,539,094,256	1,064,557,476
....		
Cộng	23,553,018,050	30,624,107,107

4. Phải thu khác	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	1,220,779,540,206	-	1,062,079,704,136	-
* Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia;	575,340,105,098	-	423,465,873,476	-
- Công ty CP Đầu tư & Xây dựng XLHN	211,570,737,382	-	137,192,342,355	-
- Công ty CP Đầu tư & Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	181,931,732,397	-	180,613,229,983	-
- Cty TNHH MTV BOT ĐT Và XD Ninh Thuận	78,690,502,519	-	45,945,277,905	-
- Cty CP Cầu đường Hiến An Bình	103,147,132,800	-	59,715,023,233	-

...			
* Phải thu lãi tiền gửi, cho vay	145,482,880,254		21,943,475,466
- Cty CP Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc	75,005,352,090		-
- Công ty CP Tập đoàn Yên Khánh- Dự án Cao tốc TL-MT	67,856,509,808		18,582,229,768
- Công ty CP Hoàng An - Dự án Cao tốc TL-MT	2,164,201,375		1,943,364,500
- Cty Đầu tư HTKT Tp.HCM (CII)	113,717,194		1,120,078,096
- Cty CP ĐT và PT XD Ninh Thuận	21,944,444		206,072,222
- Cty TNHH Đầu tư Cổ Chiên	70,552,690		-
- Lãi tiền gửi phải thu các NH	250,602,653		91,730,880
...			
* Các khoản chi hộ;	200,598,013		63,173,713
- Metro Pacific Tollways Corporation	300		46,851,000
- Nộp hộ chi phí cấp Sổ hồng căn hộ	16,322,713		16,322,713
- Công ty CP Tập đoàn Yên Khánh- bảo lãnh chi hộ	184,275,000		
* Phải thu khác.	499,755,956,841		616,607,181,481
- Công ty CP Tập đoàn Yên Khánh- Dự án Cao tốc TL-MT	462,850,380,000		462,850,380,000
- Cty Đầu tư HTKT Tp.HCM (CII)- Phải thu về vốn và lãi hợp tác đầu tư dự án Cầu rạch Chiếc	-		101,642,247,273
- Cty TNHH MTV BOT ĐT Và XD Ninh Thuận- góp vốn	35,610,000,000		-
- Công ty CP Hoàng An - Dự án Cao tốc TL-MT	-		50,477,000,000
- Cty TNHH Đầu tư Phát triển Cầu đường CII - tiền mượn	658,355,000		655,355,000
- Phải thu khoản Nộp 1% đảm bảo các công trình chờ QT	455,871,841		377,543,841
- Phải thu nhận bàn giao từ Cty TNHH MTV CK điện LG	-		283,640,353
- Cty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu - Phụ cấp HDTV	100,000,000		100,000,000
- Cho mượn (tạm ứng);	67,350,000		87,274,000
- Ký quỹ Viễn thông,taxi, thuê máy photo;	14,000,000		9,000,000
- Phải thu thuế GTGT vãng lai nội tỉnh	-		-
- Lệ phí Tòa án	-		12,217,526
- Đặt cọc thuê VP	-		60,000,000
- BQL Dự án	-		52,523,488
Trong đó, phải thu các bên liên quan	611,844,121,736		527,189,626,067
Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP.HCM (CII)	113,717,194		102,762,325,369
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	181,953,676,841		180,819,302,205
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	211,570,737,382		137,192,342,355
Công ty TNHH MTV BOT Ninh Thuận	114,300,502,519		45,945,277,905
Công ty CP Cầu đường Hiền An Bình	103,147,132,800		59,715,023,233
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Cầu đường CII	658,355,000		655,355,000
Cty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	100,000,000		100,000,000
...			
b) Trả trước cho người bán ngắn hạn	97,153,646,000		5,631,024,450
- Công ty CP Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc	96,000,000,000		-
- Cty TNHH Tư Vấn Phát Triển Xây Dựng Minh Đạt	850,000,000		850,000,000
- Cty TNHH thiết kế KT XD QLDA Sáng Tạo Mới	-		528,185,000
- Công ty TNHH TV Khảo Sát Thiết Kế E.L.E	-		1,026,000,000
- Cty CP Kim Sơn Hải	-		820,000,000
- Công ty CP Xây Lắp Điện Chiếu Sáng	-		1,877,878,300
- Cty CP điện cơ Đồng Nai	232,971,000		
- Khác	70,675,000		528,961,150
c/ Phải thu về cho vay ngắn hạn	279,318,920,425		181,108,101,513
- Cty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật CII Tp.HCM (hỗ trợ vốn)	46,520,670,425		180,748,101,513
- Cty TNHH XD & TM Tuấn Lộc (Hỗ trợ đầu tư)	231,425,250,000		
- Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Cầu đường CII (hỗ trợ vốn)	-		360,000,000
- Cty TNHH Đầu tư Cổ Chiên - (hỗ trợ vốn)	1,373,000,000		

d) Phải thu về cho vay dài hạn	50,000,000,000	-	269,425,250,000	-
- Cty TNHH XD & TM Tuấn Lộc (Hỗ trợ đầu tư)	-	-	231,425,250,000	-
- Cty CP ĐT và PT XD Ninh Thuận -(Hỗ trợ đầu tư)	50,000,000,000	-	38,000,000,000	-
Trong đó, Phải thu về cho vay là các bên liên quan	96,520,670,425	-	219,108,101,513	-
- Cty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật CII Tp.HCM	46,520,670,425	-	180,748,101,513	-
- Cty CP ĐT và PT XD Ninh Thuận	50,000,000,000	-	38,000,000,000	-
- Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Cầu đường CII	-	-	360,000,000	-
e) Phải thu dài hạn khác;	5,820,497,512	-	60,881,492,988	-
- Cty CP Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc (lãi cho vay phải thu)	-	-	55,060,995,476	-
- Đặt cọc tiền mua phần vốn góp trong Cty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu cho Cty CP TM Nước giải khát Khánh An	5,820,497,512	-	5,820,497,512	-
...	-	-	-	-

6. Nợ xấu	Cuối kỳ			Đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng
- Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi;						
Cty CP PT Đường Cao Tốc Biên Hoà - Vũng Tàu	1,321,079,368	-	1,321,079,368			
Khách hàng khác -phải thu từ thi công công trình	490,234,652	16,200,796	474,033,856	2,052,932,346	515,426,126	1,537,506,220
Cty CP XD CT Giao Thông 674	270,222,000	-	270,222,000			
Công ty bảo hiểm Xuân Thành Sài Gòn	98,250,000	29,475,000	68,775,000	-	-	-
Cty TNHH MTV Cầu Quyết Tiến - Thi công công trình	53,256,500	-	53,256,500	53,256,500	15,976,950	37,279,550
Cty TNHH Bảo hiểm Liberty - Thi công công trình	25,203,265	-	25,203,265	25,203,265	-	25,203,265
Cty CP Kim Sơn Hải -phải thu từ ứng trước tiền hàng	-	-	-	820,000,000	-	820,000,000
Cty Sáng Tạo Mới -chi phí cung cấp và lắp đặt cửa gỗ	-	-	-	528,185,000	-	528,185,000
Cty Phan Việt - gói thầu Hệ thống xử lý nước thải	-	-	-	352,270,000	-	352,270,000
Khách hàng khác - phải thu từ bán Trụ cần đèn...	-	-	-	887,668,397	-	887,668,397
Trần Thị Ngọc Hân - chuyển nhượng bán căn hộ	-	-	-	100,000,000	-	100,000,000
Cty TNHH MTV Cơ Khí Điện Lữ Gia - phải thu nhận bàn giao	-	-	-	283,640,353	-	283,640,353
Ban quản lý dự án - phải thu tiền đồng hồ nước	-	-	-	52,523,488	-	52,523,488
Huỳnh Đăng Hồ- tiền đặt cọc thuê VP	-	-	-	60,000,000	-	60,000,000

Khách hàng khác - Lệ phí tòa án	-	-	-	12,217,526	-	12,217,526
DNTN TM Hoàng Phi - tiền thuê mặt bằng ADV	-	-	-	95,000,000	-	95,000,000
+ Lê Thị Kim Cúc - tạm ứng chi hoạt động VP	-	-	-	19,924,000	-	19,924,000
Khách hàng khác -phải thu từ ứng trước tiền hàng	-	-	-	37,870,000	-	37,870,000
Cty CP Trường Sang - CP Phòng chống mối Cao ốc LG	-	-	-	31,131,750	-	31,131,750
Cty TNHH ứng dụng & PT công nghệ môi trường A.T.E -hệ thống xử lý nước thải	-	-	-	82,889,400	-	82,889,400
Ban QLDA Công trình Giao thông Long An- Thi công công trình	-	-	-	1,816,000	544,800	1,271,200
CT Cầu Rạch Chiếc Bên Phải Tuyến - Thi công công trình	-	-	-	319,297	-	319,297
Công Trình HTCS Lan Can Cầu Thủ Thiêm - Thi công công trình	-	-	-	25,030,127	-	25,030,127
Cty TNHH TM DV Điện Gia Hân - phải thu từ bán Trụ cần đèn...	-	-	-	100,000,000	30,000,000	70,000,000
Cty TNHH MTV Xây Dựng Lộc Mai - phải thu từ bán Trụ cần đèn...	-	-	-	17,987,200	-	17,987,200
Cộng	2,258,245,785	45,675,796	2,212,569,989	5,639,864,649	561,947,876	5,077,916,773

7. Hàng tồn kho:	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu;	-	-	32,650,364	(32,650,364)
- Công cụ, dụng cụ;	-	-	1,456,000	(1,456,000)
- Thành phẩm;	-	-	528,730,757	(528,730,757)
- Hàng hóa;	111,300,000	-	176,070,451	(64,770,451)
- Chi phí SXKD dở dang - Căn hộ 70 Lữ Gia	82,197,295	-	82,197,295	-
- Chi phí SXKD dở dang - Bộ phận duy tu, bảo dưỡng CT	-	-	99,398,295	-
- Chi phí SXKD dở dang - Bộ phận xây dựng	3,625,104,946	-	18,075,037,253	-
- Chi phí đầu tư các dự án BOT chưa khai thác	30,703,792,366	-	46,040,659,243	-
...				
Trong đó, Chi phí đầu tư các dự án BOT các bên liên quan				
Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP.HCM (CIJ)	25,207,545,926	-	18,559,427,055	-
Cộng	34,522,394,607	-	65,036,199,658	(627,607,572)

8. Tài sản dở dang dài hạn	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
- Công trình: Cao ốc CC-TM-DV LUGIACO	663,950,204	-	663,950,204	-
- Công trình: Dự án XD nhà ở 477-479 An Dương Vương	727,272,727	-	727,272,727	-
Cộng	1,391,222,931	-	1,391,222,931	-

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình:

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	854,759,656	-	2,257,284,915	-	-	3,112,044,571
- Mua trong năm	-					-
- Đầu tư XDCB hoàn thành						-
- Tăng khác						-
- Chuyển sang bất động sản đầu tư						-
- Thanh lý, nhượng bán						-
- Giảm khác						-
Số dư cuối năm	854,759,656	-	2,257,284,915	-	-	3,112,044,571
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	427,574,354	-	516,157,728			943,732,082
- Khấu hao trong năm	85,804,656		292,309,236			378,113,892
- Tăng khác						-
- Chuyển sang bất động sản đầu tư						-
- Thanh lý, nhượng bán						-
- Giảm khác						-
Số dư cuối năm	513,379,010	-	808,466,964			1,321,845,974
Giá trị còn lại						
- Tại ngày đầu năm	427,185,302	-	1,741,127,187			2,168,312,489
- Tại ngày cuối năm	341,380,646	-	1,448,817,951			1,790,198,597

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay;

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng;

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý;

- Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai;

- Các thay đổi khác về TSCĐ hữu hình.

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình:

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy vi tính	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm				50,000,000		50,000,000
- Mua trong năm						
- Tạo ra từ nội bộ DN						
- Tặng do hợp nhất kinh doanh						
- Tặng khác						
- Thanh lý, nhượng bán						
- Giảm khác						
Số dư cuối năm	-	-	-	50,000,000	-	50,000,000
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm						
- Khấu hao trong năm				40,008,023		40,008,023
- Tặng khác				5,000,004		5,000,004
- Thanh lý, nhượng bán						
- Giảm khác						
Số dư cuối năm	-	-	-	45,008,027	-	45,008,027
Giá trị còn lại						
- Tại ngày đầu năm	-	-	-	9,991,977	-	9,991,977
- Tại ngày cuối năm	-	-	-	4,991,973	-	4,991,973

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay;

- Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng;

- Thuyết minh số liệu và giải trình khác;

13. Chi phí trả trước	Cuối kỳ	Đầu năm
a) Ngắn hạn	57,463,134	2,132,805,125
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng;	57,463,134	86,204,191
- Thuế GTGT còn được khấu trừ	-	2,046,600,934
Cộng	57,463,134	2,132,805,125

15. Vay và nợ thuê tài chính	Cuối kỳ		Trong năm		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn						
Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP.HCM (CIJ)	848,559,130,000	848,559,130,000	-	50,477,000,000	899,036,130,000	899,036,130,000
...						
Cộng Vay ngắn hạn	848,559,130,000	848,559,130,000	-	50,477,000,000	899,036,130,000	899,036,130,000
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	28,066,000,000	28,066,000,000	28,066,000,000	256,137,600,000	256,137,600,000	256,137,600,000
b) Vay dài hạn						
NH TMCP Đầu tư & Phát triển VN - CN Tây Sài Gòn	366,137,568,925	366,137,568,925	-	24,409,000,000	390,546,568,925	390,546,568,925
NH TMCP Tiên Phong - CN TP.HCM	-	-	-	199,622,600,000	199,622,600,000	199,622,600,000
NH TMCP Bản Việt	-	-	-	35,750,000,000	35,750,000,000	35,750,000,000
...						
Cộng Vay dài hạn	366,137,568,925	366,137,568,925	-	259,781,600,000	625,919,168,925	625,919,168,925
Trừ các khoản vay và nợ dài hạn phải trả trong vòng 12 tháng	(28,066,000,000)	(28,066,000,000)	(28,066,000,000)	(256,137,600,000)	(256,137,600,000)	(256,137,600,000)
Tổng cộng	1,214,696,698,925	1,214,696,698,925	-	310,258,600,000	1,524,955,298,925	1,524,955,298,925

Trong đó thanh toán theo kỳ hạn	Cuối kỳ	Đầu năm
Trong vòng 01 năm	28,066,000,000	256,137,600,000
Trong năm thứ hai	46,580,000,000	29,732,000,000
Từ năm thứ 3 đến năm thứ năm	291,491,568,925	263,221,568,925
Sau 5 năm	-	76,828,000,000
Cộng	366,137,568,925	625,919,168,925
Trừ số phải trả trong vòng 12 tháng	(28,066,000,000)	(256,137,600,000)
Số phải trả sau 12 tháng	338,071,568,925	369,781,568,925

16. Phải trả người bán	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	1,591,610,066	1,591,610,066	7,065,856,217	7,065,856,217
- Công ty CP Xây Lắp Điện Chiêu Sáng	500,000,000	500,000,000	-	-
- Công Ty CP Xây lắp & Vật Tư Xây Dựng (CBM)	100,000,000	100,000,000	100,000,000	100,000,000
- Cty TNHH Tân Thành Tâm	180,272,259	180,272,259	180,272,259	180,272,259
- Công Ty CP TM XD Kỹ Thuật Thiên Thành	351,627,200	351,627,200	1,360,174,200	1,360,174,200
- Công Ty TNHH XD Kiên An	-	-	416,935,242	416,935,242
- Công ty CP Điện Chiêu Sáng Thiên Minh	-	-	673,750,000	673,750,000
- Cty CP Dây & Cáp Điện Kiến Đăng	-	-	733,243,192	733,243,192
- Cty TNHH SX TM & XD Thiên Minh	13,913,000	13,913,000	720,970,800	720,970,800
- Cty TNHH Đại Dương Xanh	163,327,842	163,327,842	163,327,842	163,327,842
- Phải trả cho các đối tượng khác	282,469,765	282,469,765	2,717,182,682	2,717,182,682

b) Phải trả người bán là các bên liên quan	6,981,471,582	6,981,471,582	12,831,751,289	12,831,751,289
- Công ty CP Cơ Khí Điện Lữ Gia	6,566,016,332	6,566,016,332	12,603,932,389	12,603,932,389
- Cty TNHH MTV Đầu Tư Kinh Doanh Địa ốc Lữ Gia	415,455,250	415,455,250	227,818,900	227,818,900
...				
cộng	8,573,081,648	8,573,081,648	19,897,607,506	19,897,607,506

17. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	Đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Cuối kỳ
a) Phải nộp	109,331,311	785,427,078	705,050,659	189,707,730
- Thuế TNCN	109,331,311	758,638,358	678,261,939	189,707,730
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất		22,788,720	22,788,720	-
- Thuế môn bài		4,000,000	4,000,000	-
...				-
b) Phải thu	1,615,260,474	424,470,769	962,586,278	2,153,375,983
- Thuế TNDN nộp thừa	1,177,431,555	-	-	1,177,431,555
- Tiền thuê đất nộp thừa tại 345-347ADV	437,828,919	46,585,167		391,243,752
- Thuế GTGT vãng lai nội tính đã nộp	-	377,885,602	962,586,278	584,700,676
				-

18. Chi phí phải trả	Cuối kỳ	Đầu năm
a) Ngắn hạn	5,031,626,039	5,946,666,183
- Chi phí lãi vay	4,726,626,039	5,780,832,850
- Chi phí phải trả về thi công xây dựng	-	165,833,383
- Các khoản trích trước khác;	305,000,000	
b) Dài hạn	-	-
...		
Cộng	5,031,626,039	5,946,666,183

19. Phải trả khác	Cuối kỳ	Đầu năm
a) Ngắn hạn	274,590,238,071	48,929,975,863
- Kinh phí công đoàn;	-	3,762,000
...		
* Cổ tức, lợi nhuận phải trả;	-	-
...		
* Các khoản phải trả, phải nộp khác.	274,590,238,071	48,926,213,863
- Công ty CP đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Tp.HCM (CII)	132,810,038,771	-
- Phải trả Cty TNHH Đầu tư Phát triển Cầu đường	96,000,000,000	
- Ứng trước lợi nhuận từ Cty Rạch Miễu	16,729,927,636	23,266,554,784
- Khoản thu hộ: Tiền phụ cấp HĐTV	3,600,000,000	2,400,000,000
- Công ty Cấp thoát nước TP	451,242,467	451,242,467
- Khoản nhận trước tiền mua cổ phần từ Công ty CP Xây dựng Cầu Sài Gòn	24,988,350,000	22,797,737,415
+ Phải trả khác	10,679,197	10,679,197
...		
b) Dài hạn	-	252,220,500
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn		
+ Công ty CP TIKI - Ký quỹ thuê MB	-	252,220,500
- Các khoản phải trả, phải nộp dài hạn khác		
...		
Trong đó, phải trả các bên liên quan	270,528,316,407	46,064,292,199
- Công ty CP đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Tp.HCM (CII)	132,810,038,771	-
- Cty TNHH Đầu tư Phát triển Cầu đường	96,000,000,000	-
- Công ty TNHH BOT cầu Rạch Miễu	16,729,927,636	23,266,554,784

- Công ty CP Xây dựng Cầu Sài Gòn	24,988,350,000	22,797,737,415
...		
c) Người mua trả tiền trước ngắn hạn	3,636,872,645	8,802,866,142
- Khu QLGTĐT số 3	1,398,915,150	3,069,805,150
- Cty CP BOT Quốc Lộ 20 Lâm Đồng	1,200,000,000	1,200,000,000
- Công ty CP Xây dựng Hạ Tầng CII (E&C)	35,550,000	35,550,000
- Khu QLGTĐT số 1	-	1,161,925,269
- Công ty CP Sonadezi Giang Điền	533,067,063	2,367,029,000
- BQLĐT XDCT Nâng cấp Đô thị TP	365,219,173	-
- Người mua trả tiền trước ngắn hạn khác	104,121,259	968,556,723
...		
Trong đó, Người mua trả tiền trước ngắn hạn các bên liên quan	35,550,000	35,550,000
- Công ty CP Xây dựng Hạ Tầng CII (E&C)	35,550,000	35,550,000
...		
20. Doanh thu chưa thực hiện	Cuối kỳ	Đầu năm
a) Ngắn hạn	246,197,914	246,199,004
- Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Tp.HCM (thuê VP)	246,197,914	246,199,004
...		
b) Dài hạn		
...		

25. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu								Công
	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Chênh lệch tỷ giá	Quỹ đầu tư phát triển	LNST thuế chưa phân phối và các quỹ	
A	1	2	3	4	5	6	8	7	
Số dư đầu năm trước	1,928,547,650,000	3,657,748,096					34,626,496,378	236,972,785,818	2,203,804,680,292
- Tăng vốn trong năm trước									
- Lãi trong năm trước								204,680,278,285	204,680,278,285
- Chi cổ tức								(185,140,574,400)	(185,140,574,400)
- Trích lập quỹ đầu tư phát triển năm trước							10,234,014,000	(10,234,014,000)	
- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi năm trước								(614,041,000)	(614,041,000)
- Chi thù lao HĐQT & Ban KS năm 2016								(1,764,731,429)	(1,764,731,429)
- Giảm vốn trong năm trước									
...									
Số dư đầu năm nay	1,928,547,650,000	3,657,748,096	-	-	-	-	44,860,510,378	243,899,703,274	2,220,965,611,748
- Tăng vốn trong năm nay									
- Lãi trong năm nay								224,482,130,232	224,482,130,232
- Trích lập quỹ đầu tư phát triển năm nay							11,227,515,000	(11,227,515,000)	
- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi năm nay								(1,122,751,000)	(1,122,751,000)
- Chi cổ tức									
- Chi thù lao HĐQT & Ban KS năm 2017								(1,023,000,000)	(1,023,000,000)
...									
Số dư cuối năm nay	1,928,547,650,000	3,657,748,096	-	-	-	-	56,088,025,378	455,008,567,506	2,443,301,990,980

25. Vốn chủ sở hữu		Cuối kỳ	Đầu năm
b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu		1,928,547,650,000	1,928,547,650,000
- Vốn góp của Công ty CP đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Tp.HCM (CIJ)	54.31%	1,047,379,120,000	944,993,420,000
- Vốn góp của MPTC (Philippin)	44.94%	866,666,660,000	866,666,660,000
- Vốn góp của đối tượng khác	0.75%	14,501,870,000	116,887,570,000
...			
c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận		Cuối kỳ	Đầu năm
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu			
+ Vốn góp đầu năm		1,928,547,650,000	1,928,547,650,000
+ Vốn góp tăng trong năm			
+ Vốn góp giảm trong năm			
+ Vốn góp cuối năm		1,928,547,650,000	1,928,547,650,000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia		-	239,139,908,600
...			
d) Cổ phiếu		Cuối kỳ	Đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		192,854,765	192,854,765
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		192,854,765	192,854,765
+ Cổ phiếu phổ thông		192,854,765	192,854,765
+ Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)			
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		192,854,765	192,854,765
+ Cổ phiếu phổ thông		192,854,765	192,854,765
...			
e) Các quỹ của doanh nghiệp:		Cuối kỳ	Đầu năm
- Quỹ đầu tư phát triển;		56,088,025,378	44,860,510,378
- Quỹ khen thưởng phúc lợi		1,328,308,736	1,492,375,446
...			
	Cộng	57,416,334,114	46,352,885,824

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Từ 01/01/2018 đến 31/12/2018	Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017
Doanh thu	35,140,284,121	50,931,324,411
- Doanh thu hợp đồng xây dựng, duy tu;	30,254,059,755	46,419,656,976
- Doanh thu dịch vụ tư vấn về thu phí giao thông	4,289,095,643	3,912,237,835
- Doanh thu cung cấp dịch vụ cho thuê VP, mặt bằng;	597,128,723	599,429,600
	-	-
Trong đó Doanh thu đối với các bên liên quan	5,892,273,322	11,742,327,521
- Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP.HCM (CIJ)	590,892,000	590,892,000
- Cty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	4,289,095,643	3,912,237,835
- Công ty CP Cơ Khí điện Lữ Gia		1,664,494,160
- Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	1,012,285,679	5,574,703,526
...		
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	Từ 01/01/2018 đến 31/12/2018	Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017
- Giảm giá hàng bán;	432,311,571	-
...		
	Cộng	432,311,571
	-	-
3. Giá vốn hàng bán	Từ 01/01/2018 đến 31/12/2018	Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017
Giá vốn của hàng hóa đã bán;	30,611,710,331	45,608,816,226
- Giá vốn của hoạt động xây dựng	30,362,447,275	45,282,606,043

- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp;	249,263,056	326,210,183
Trong đó Giá vốn đối với các bên liên quan	3,699,138,432	7,239,197,686
- Công ty CP Cơ Khí điện Lữ Gia	3,699,138,432	1,664,494,160
- Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội		5,574,703,526
4. Doanh thu hoạt động tài chính		
	Từ 01/01/2018 đến 31/12/2018	Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	44,393,374,750	40,893,523,322
- Lãi phát sinh từ HĐ hợp tác đầu tư DA cao tốc TLMT (Hoàng An- Yên Khánh)	49,495,116,915	20,525,594,268
- Lợi nhuận được chia	297,371,581,316	324,080,885,838
- Lãi chênh lệch tỷ giá, chiết khấu	70,909	
...		
Cộng	391,260,143,890	385,500,003,428
Trong đó Doanh thu hoạt động tài chính đối với các bên liên quan		
- Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP.HCM (CIJ)	17,291,496,395	18,499,026,929
- Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	74,378,395,027	53,776,914,919
- Công ty CP Xây dựng cầu Sài Gòn	15,456,279,397	53,431,193,649
- Cty CP Cầu đường Hiến An Bình	73,432,109,567	57,755,179,433
- Cty TNHH MTV BOT ĐT Và XD Ninh Thuận	32,750,724,614	29,552,066,337
- Công ty CP Đầu tư & Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	57,158,824,635	68,576,603,722
- Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	48,241,070,297	61,200,000,000
...		
Cộng	318,708,899,932	342,790,984,989
5. Chi phí tài chính		
	Từ 01/01/2018 đến 31/12/2018	Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017
- Chi phí lãi vay;	132,067,832,529	116,931,958,658
- Giảm vốn điều lệ Cty Cầu SG	30,925,083,264	30,925,083,264
- Lỗ góp vốn đầu tư về DA Cầu Rạch Chiếc	68,160,337	31,032,528,097
- Lỗ chênh lệch tỷ giá;	-	49,365
- Chi phí tài chính khác;		
...		
Cộng	163,061,076,130	178,889,619,384
Trong đó Chi phí tài chính đối với các bên liên quan		
- Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP.HCM (CIJ)	59,535,455,558	63,999,827,756
- Công ty CP Xây dựng Cầu Sài Gòn	30,925,083,264	30,925,083,264
...		
Cộng	90,460,538,822	94,924,911,020
6. Thu nhập khác		
	Từ 01/01/2018 đến 31/12/2018	Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017
- Thu nhập từ cho thuê xe	752,727,273	400,000,000
- Điều chỉnh giảm các khoản người mua trả tiền trước không tiếp tục thực hiện hợp đồng	562,158,462	
- Các khoản khác.	-	9,188,667
...		
Cộng	1,314,885,735	409,188,667
Trong đó Thu nhập khác đối với các bên liên quan		
- Công ty TNHH MTV Đầu tư hạ tầng - VRG	480,000,000	400,000,000
- Công ty CP Đầu tư & Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	272,727,273	
...		
Cộng	752,727,273	400,000,000
7. Chi phí khác		
	Từ 01/01/2018 đến 31/12/2018	Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017
- Chi phí cho thuê tài sản	395,677,258	325,519,010
- Các khoản khác.		
...		
Cộng	395,677,258	325,519,010

	Từ 01/01/2018 đến 31/12/2018	Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017
8. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp		
a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ	8,666,708,224	7,155,679,839
- Chi phí lương nhân viên	4,145,044,873	3,855,713,659
- Chi phí vật dụng, công cụ văn phòng	362,348,291	190,763,985
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	165,888,780	165,888,780
- Chi phí thuê văn phòng	594,000,000	550,500,000
- Chi phí tiếp khách	379,040,136	367,443,252
- Chi phí dự phòng nợ khó đòi	1,805,279,447	5,396,160
- Các khoản chi phí QLDN khác.	1,215,106,697	2,019,974,003
	-	-
Trong đó Chi phí QLDN đối với các bên liên quan	742,773,227	675,680,891
- Cty TNHH MTV Đầu tư kinh doanh Địa ốc Lữ Gia	742,773,227	675,680,891
	-	-
b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ	65,700,000	180,603,762
- Các khoản chi phí bán hàng khác.	65,700,000	180,603,762
	-	-
Trong đó Chi phí chi phí bán hàng các bên liên quan	65,700,000	-
- Công ty CP Cơ khí điện Lữ Gia	65,700,000	-
	-	-
9. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố		
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu;		
- Chi phí nhân công;	3,646,111,124	4,764,635,936
- Chi phí khấu hao tài sản cố định;	383,113,896	361,420,518
- Chi phí dịch vụ mua ngoài;	16,144,976,784	62,481,173,594
- Chi phí khác bằng tiền.	1,269,497,101	1,062,687,718
	-	-
Cộng	21,443,698,905	68,669,917,766
	-	-
10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	-
....		
VIII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ		
1. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai		
2. Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng		
3. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ:		
	Từ 01/01/2018 đến 31/12/2018	Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường;	-	259,000,000,000
- Tiền thu từ đi vay dưới hình thức khác.	-	549,577,380,000
...		
Cộng	-	808,577,380,000
	-	-
4. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ:		
	Từ 01/01/2018 đến 31/12/2018	Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường;	259,781,600,000	196,270,400,000
- Tiền trả nợ vay dưới hình thức khác	50,477,000,000	54,650,000,000
...		
Cộng	310,258,600,000	250,920,400,000
	-	-

IX. Những thông tin khác

1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác:

2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:.....

3. Thông tin về các bên liên quan**a - Trong kỳ, Công ty có các giao dịch với các bên liên quan như sau:**

Công ty CP đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Tp.HCM (CII)	Từ 01/01/2018 đến 31/12/2018	Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017
- Nhận tiền gốc hỗ trợ vốn	-	36,250,000,000
- Thanh toán tiền gốc hỗ trợ vốn	50,477,000,000	54,650,000,000
- Chi phí lãi vay hỗ trợ vốn	59,603,615,895	32,967,299,659
- Lãi vay hỗ trợ vốn đầu tư vào các dự án B.O.T chưa khai thác	6,648,118,871	6,648,118,872
- Nhận tiền Hợp tác đầu tư XD cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận		513,327,380,000
...		
- Cổ tức, lợi nhuận được chia trong năm	-	100,548,395,520
- Thanh toán cổ tức		100,548,395,520
- Cho vay hỗ trợ vốn	-	197,045,000,000
- Thu lại tiền cho vay, hỗ trợ vốn	31,024,740,657	245,332,569,783
- Lãi cho vay, hỗ trợ vốn	17,291,496,395	18,499,026,929
- Thu tiền lãi cho vay, hỗ trợ vốn	8,045,259,343	20,277,430,217
...		
- Lỗ phát sinh từ hợp đồng góp vốn đầu tư dự án Cầu Rạch Chiếc	68,160,337	31,032,528,097
- Doanh thu tiền thuê mặt bằng	590,892,000	590,892,000
- Thu tiền cho thuê mặt bằng	-	649,980,000
Công ty CP Xây dựng Hạ Tầng CII (E&C)	Từ 01/01/2018 đến 31/12/2018	Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017
- Chuyển nhượng công ty con		78,000,000,000
Cty TNHH MTV Đầu tư kinh doanh Địa ốc Lữ Gia	Từ 01/01/2018 đến 31/12/2018	Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017
- Chi phí thuê văn phòng	742,773,227	675,680,891
- Thanh toán tiền thuê văn phòng	629,414,200	515,430,080
...		
Công ty CP Cơ khí Điện Lữ Gia	Từ 01/01/2018 đến 31/12/2018	Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017
- Chi phí thi công công trình & hàng hóa	3,764,838,432	37,635,467,571
- Phải trả tiền thi công công trình & hàng hóa	11,446,521,000	40,030,659,614
- Thu tiền bán hàng hóa	209,783,671	
- Thanh toán chi phí thi công công trình xây lắp	8,558,078,427	47,309,835,676
- Cấn trừ công nợ TK 131SX và 331XD của LGC theo BB cấn trừ và DCCN (20/06/18)	1,621,159,905	
- Cấn trừ công nợ TK331 các CT của LGC theo BK 20/6/18	7,305,198,725	
- Doanh thu bán hàng hóa		1,664,494,160
...		
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	Từ 01/01/2018 đến 31/12/2018	Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017
- Doanh thu thi công công trình	1,012,285,679	5,574,703,526
- Thu tiền thi công công trình	1,113,514,247	10,863,743,361
- Cổ tức, lợi nhuận được chia trong năm	74,378,395,027	53,776,914,919
- Thu tiền cổ tức được chia	-	
...		

Công ty CP Xây dựng cầu Sài Gòn	Từ 01/01/2018 đến 31/12/2018	Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017
- Cổ tức, lợi nhuận được chia trong năm	15,456,279,397	53,431,193,649
- Thu tiền cổ tức được chia	105,771,501,982	62,628,775,800
- GN giảm vốn điều lệ của Cty CP XD Cầu Sài Gòn	226,225,920,000	226,225,920,000
- Nhận tiền hoàn trả vốn góp từ công ty con	138,101,310,000	226,225,920,000
Cty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	Từ 01/01/2018 đến 31/12/2018	Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017
- Nhận tiền tạm ứng lợi nhuận	41,704,443,149	32,150,690,694
- Góp vốn trong năm		163,000,000,000
- Doanh thu dịch vụ tư vấn thu phí giao thông	4,289,095,643	3,912,237,835
- Thu tiền dịch vụ tư vấn thu phí giao thông	4,243,468,428	3,944,578,222
- Cổ tức, lợi nhuận được chia trong năm	48,241,070,297	61,200,000,000
- Thu tiền phụ cấp HDTV	1,200,000,000	1,200,000,000
- Phải thu tiền phụ cấp thành viên	1,200,000,000	1,200,000,000
Công ty CP Cầu đường Hiền An Bình	Từ 01/01/2018 đến 31/12/2018	Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017
- Cổ tức, lợi nhuận được chia trong năm	73,432,109,567	57,755,179,433
- Thu tiền cổ tức được chia	30,000,000,000	33,000,000,000
Công ty CP Đầu tư & Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	Từ 01/01/2018 đến 31/12/2018	Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017
- Thu nhập từ cho thuê xe	272,727,273	
- Thu tiền bán hàng	300,000,000	
- Cổ tức, lợi nhuận được chia trong năm	53,118,502,414	68,370,531,500
- Chi phí lãi vay hỗ trợ vốn	4,040,322,221	
- Thu tiền cổ tức được chia	51,800,000,000	64,000,000,000
- Thu lại tiền cho vay, hỗ trợ vốn	4,224,449,999	
- Cho vay hỗ trợ vốn	12,000,000,000	38,000,000,000
Cty TNHH MTV BOT ĐT Và XD Ninh Thuận	Từ 01/01/2018 đến 31/12/2018	Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017
- Cổ tức, lợi nhuận được chia trong năm	32,745,224,614	29,547,066,337
- Cho vay hỗ trợ vốn	11,000,000,000	15,000,000,000
- Thu tiền lãi vay	5,500,000	5,000,000
- Thu tiền cổ tức được chia	-	
- Thu lại tiền cho vay, hỗ trợ vốn	11,000,000,000	15,000,000,000
- Phải thu tiền góp vốn	35,610,000,000	
...		
Công ty TNHH MTV Đầu tư hạ tầng - VRG	Từ 01/01/2018 đến 31/12/2018	Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017
- Thu nhập từ cho thuê xe	480,000,000	400,000,000
- Thu tiền bán hàng	528,000,000	440,000,000
...		
Công Ty TNHH Đầu tư Phát triển Cầu đường CII	Từ 01/01/2018 đến 31/12/2018	Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017
- Phải thu khoản tạm mượn	3,000,000	82,500,000
- Góp vốn trong kỳ		96,000,000,000
- Cho vay hỗ trợ vốn	140,000,000	360,000,000
- Thu lại tiền cho vay, hỗ trợ vốn	500,000,000	
- Phải trả khoản đã ký quỹ mua phần vốn góp trong Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên	96,000,000,000	

b - Tại thời điểm cuối năm, Công ty có số dư với các bên liên quan như sau:

Công ty CP đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Tp.HCM (CII)	Cuối kỳ	Đầu năm
- Phải trả gốc hỗ trợ vốn	848,559,130,000	899,036,130,000
- Phải trả về lãi vay hỗ trợ vốn dự án TLMT	132,810,038,771	-
- Phải thu tiền thuê kho	324,990,000	324,990,000
- Phải thu về vốn và lãi hợp tác đầu tư dự án Cầu rạch Chiếc	-	101,642,247,273
- Phải thu cho vay hỗ trợ vốn	46,520,670,425	180,748,101,513
- Phải thu về lãi cho vay	113,717,194	1,120,078,096
- Doanh thu chưa thực hiện	246,197,914	246,199,004
Công ty CP Xây dựng Hạ Tầng CII (E&C)	Cuối kỳ	Đầu năm
- Ứng trước giá trị thi công công trình	35,550,000	35,550,000
...		
Cty TNHH MTV Đầu tư kinh doanh Địa ốc Lữ Gia	Cuối kỳ	Đầu năm
- Phải trả chi phí thuê văn phòng	415,455,250	227,818,900
- Ứng trước tiền thuê VP	-	-
Công ty CP Cơ khí Điện Lữ Gia	Cuối kỳ	Đầu năm
- Phải trả tiền thi công công trình & hàng hóa	6,566,016,332	12,603,932,389
- Phải thu giá trị thi công công trình	-	1,830,943,576
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	Cuối kỳ	Đầu năm
- Phải thu tiền lợi nhuận được chia	211,570,737,382	137,192,342,355
- Phải thu giá trị thi công công trình	431,312,458	431,312,458
...		
Công ty CP Xây dựng cầu Sài Gòn	Cuối kỳ	Đầu năm
- Phải thu giá trị thi công công trình	506,390,065	506,390,065
- Khoản nhận trước tiền mua cổ phần từ Công ty CP Xây dựng Cầu Sài Gòn	24,988,350,000	22,797,737,415
Cty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	Cuối kỳ	Đầu năm
- Ứng trước lợi nhuận từ Cty Rạch Miễu	16,729,927,636	23,266,554,784
- Phải thu tiền tư vấn QLDA của Cty TNHH B.O.T Cầu Rạch Miễu	1,539,094,256	1,064,557,476
- Phải thu tiền phụ cấp HDTV của Cty TNHH B.O.T Cầu Rạch Miễu	100,000,000	100,000,000
...		
Công ty CP Cầu đường Hiền An Bình	Cuối kỳ	Đầu năm
- Phải thu tiền lợi nhuận được chia	103,147,132,800	59,715,023,233
Công ty CP Đầu tư & Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	Cuối kỳ	Đầu năm
- Phải thu tiền lợi nhuận được chia	181,931,732,397	180,613,229,983
- Phải thu cho vay hỗ trợ vốn	50,000,000,000	38,000,000,000
- Phải thu lãi tiền cho vay hỗ trợ vốn	21,944,444	206,072,222
Cty TNHH MTV BOT ĐT Và XD Ninh Thuận	Cuối kỳ	Đầu năm
- Phải thu tiền lợi nhuận được chia	78,690,502,519	45,945,277,905
- Phải thu tiền góp vốn	35,610,000,000	-
...		
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Cầu đường CII	Cuối kỳ	Đầu năm
- Phải thu khoản tạm mượn	658,355,000	655,355,000
- Cho vay ngắn hạn	-	360,000,000
- Phải trả PTCD mua CP Cty Tuấn Lộc về Cty Cổ Chiên	96,000,000,000	-

4. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận

Chỉ tiêu	Công trình thi công, duy tu	DV cho thuê mặt bằng+ tư vấn	Cộng
Doanh thu			
DT thuần về bán hàng và cung cấp DV	29,821,748,184	4,886,224,366	34,707,972,550
Giá vốn			
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	30,362,447,275	249,263,056	30,611,710,331
Lợi nhuận gộp	(540,699,091)	4,636,961,310	4,096,262,219
Doanh thu hoạt động tài chính	-		391,260,143,890
Chi phí tài chính			163,061,076,130
Chi phí bán hàng			65,700,000
Chi phí quản lý doanh nghiệp			8,666,708,224
Thu nhập khác			1,314,885,735
Chi phí khác			395,677,258
Chi phí thuế TNDN hiện hành			-
Tổng lợi nhuận sau thuế			224,482,130,232

5. Thông tin so sánh (những thay đổi về thông tin trong Báo cáo tài chính của các niên độ kế toán trước):

6. Thông tin về hoạt động liên tục:

7. Những thông tin khác:

Thu nhập Ban Tổng giám đốc được hưởng trong kỳ như sau	Từ 01/01/2018 đến 31/12/2018	Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017
Lương và thưởng	3,513,133,451	3,192,349,168

Người lập biểu
(Ký, họ tên)


Dương Thị Nhung

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)


Nguyễn Văn Chính

Lập ngày 15 tháng 1 năm 2019

Tổng Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

